

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày 09/5/2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
chuyển nhượng QSD đất”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Quân.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Liên và ông Nguyễn Bá Tuyên

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lâm Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Hà, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2022/TLST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 28/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 18/4/2023 giữa các đương sự :

**Nguyên đơn:** Ông Phạm Hồng G;

Địa chỉ: Xóm B, xã C B, huyện K S, tỉnh Ninh B;

*Người được nguyên đơn ủy quyền:* Bà Phạm Mỹ B; Địa chỉ: Thôn T T, xã E P, huyện C J, tỉnh Đắc Nông – Có mặt tại phiên tòa;

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Ch; Địa chỉ: Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Phạm Mỹ B; Địa chỉ: Thôn T T, xã E P, huyện C J, tỉnh Đắc Nông – Có mặt tại phiên tòa;

+ Công ty TNHH MTV C P; Địa chỉ: Tổ M, TT Đ A, huyện Đ S, tỉnh Đắc Nông;

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Phan Trọng C – Giám đốc – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Ông Phạm Văn M; Địa chỉ: Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắc

Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 11 năm 2021 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nguyên đơn trình bày:**

Năm 2017 ông Nguyễn Văn Ch có chuyển nhượng diện tích đất cho ông Phạm Hồng G với diện tích đất khoảng 02 ha; đất tọa lạc tại Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông với số tiền là 280.000.000 đồng; lô đất có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp ông Nguyễn Văn Ng; phía Nam giáp ông Nguyễn Văn Th; phía Đông giáp đường Cột mốc và phía Tây giáp đường quốc lộ 14 C.

Khi ông Ch chuyển nhượng diện tích đất này cho ông G thì ông Ch cũng chuyển nhượng tích đất này cho người khác là ông Th phần đất cạnh phần đất của G. Khi chuyển nhượng cho nhau các bên không làm giấy tờ gì nhưng đến ngày 12/02/2019 thì ông Ch có ký hợp đồng sang nhượng đất với ông G.

Hiện tại lô đất mà ông G nhận chuyển nhượng đất của ông Ch thuộc công ty C P được nhà nước cho thuê và bị thu hồi nên ông G mới làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G với ông Ch đề ngày 12/02/2019 và đề nghị ông Ch trả lại số tiền là 280.000.000 đồng cho ông G.

Đối với yêu cầu yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, người được nguyên đơn ủy quyền không đề nghị xem xét giải quyết nên cần đình chỉ phần yêu cầu này.

Về án phí: Ai vi phạm phải chịu theo quy định của pháp luật;

**\* Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:** Năm 2017 tôi có sang nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông Phạm Hồng G trên diện tích đất khoảng 02 ha tọa lạc tại Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông; tài sản trên diện tích đất này tôi được công ty C P cho tôi thuê lại và sau đó tôi chuyển nhượng lại cho ông G. Khi chuyển nhượng cho ông G thì hai bên không làm giấy tờ gì mà chỉ ra thực địa chỉ phần tài sản trên đất. Đến năm 2019 thì ông M là anh trai của ông G có nhờ tôi ký lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đề ngày 12/02/2019. Lúc đó, tôi không hề đọc hợp đồng này nên tôi đã ký tên Nguyễn Văn Tr bên người bán. Năm 2017 tôi sang nhượng cho ông G tài sản trên đất là toàn bộ cây cao su. Nay ông G căn cứ từ hợp đồng sang nhượng đất rầy đề ngày 12/02/2019 khởi kiện tôi yêu cầu hủy hợp đồng sang nhượng đất này tôi hoàn toàn đồng ý. Phần ông G yêu cầu tôi trả lại số tiền là 280.000.000 đồng. Tôi đồng ý trả số tiền này cho ông G nhưng đề nghị ông G trả lại trị giá cây cao su trên đất cho tôi.

Về án phí: Ai sai người đó phải chịu án phí theo quy định.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

+ Bà Phạm Mỹ B trình bày: Đồng ý với lời trình bày của ông G không bổ sung

gì thêm;

+ Công ty TNHH MTV C P trình bày: Công ty được nhà nước cho thuê và công ty cũng đã cho người dân thuê lại. Liên quan đến diện tích đất người dân được công ty cho thuê lại không được phép chuyển nhượng cho người khác. Việc chuyển nhượng cho người khác là không đúng nên đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng này. Khi ông Ch được công ty cho thuê thì có cây cao su trên đất, ông Ch không được phép chuyển nhượng QSD đất này cho người khác; phần diện tích đất ông Ch được công ty cho thuê lại, ông Ch chuyển nhượng cho ông Phạm Hồng G đến năm 2021 – 2022 thì UBND tỉnh đã thu hồi để thực hiện xây đồi lô cốt dân quân thường trực xã Th H (Đất thu hồi vì mục đích quốc phòng, an ninh) theo quyết định số 1820/QĐ/UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông. UBND tỉnh Đắk Nông đã thu hồi và bồi thường hỗ trợ trên phần đất này cho công ty. Khi đó, thấy ông M canh tác trên đất nên Công ty cũng đã gọi ông Phạm Văn M ra đề Công ty trả tiền hỗ trợ cho ông M (Do ông M canh tác trên đất) với số tiền khoảng 130.000.000 đồng tiền cây trồng trên đất.

+ Ông Phạm Văn M trình bày: được ông G cho mượn đất canh tác từ năm 2017. Khi mượn đất thì được biết ông G là người nhận chuyển nhượng của ông Ch. Sau đó, đất này ông G sang nhượng cho người khác và sau đó bị nhà nước thu hồi. Không có ý kiến gì về việc khởi kiện giữa ông G và ông Ch.

**\* Người làm chứng trình bày:**

+ Ông Nguyễn Văn Ng trình bày: Tôi không có quan hệ họ hàng gì với ông Ch và ông G, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Hồng G với ông Nguyễn Văn Ch như thế nào thì tôi không biết. Tôi chỉ biết vào năm 2019 khi đó tôi đang ở rẫy thì ông Phạm Hồng G có gọi điện cho tôi và sau đó nhờ anh Phạm Văn M có mang giấy tờ và nhờ tôi ký xác nhận ranh giới đất cho ông G. Tôi thấy nội dung ký xác nhận là phù hợp với ranh giới đất tiếp giáp phần đất của tôi. Ông Ch ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông G từ khi nào thì tôi không hề biết.

+ Ông Nguyễn Văn Th trình bày: Tôi không có quan hệ họ hàng gì với ông Ch và ông G, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Hồng G với ông Nguyễn Văn Ch như thế nào thì tôi không biết. Tôi chỉ biết vào năm 2019 khi đó tôi đang ở rẫy thì ông Phạm Hồng G có gọi điện cho tôi và sau đó nhờ anh Phạm Văn M có mang giấy tờ và nhờ tôi ký xác nhận ranh giới đất cho ông G. Phần đất của tôi canh tác giáp đất ông G là nguồn gốc tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ch vào tháng 10/2017. Khi tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đất với ông Ch tôi chỉ lập hợp đồng miệng với nhau không có văn bản gì; với diện tích khoảng 03 ha với giá là 630.000.000 đồng. Thời điểm tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Ch thì tôi có nghe đất này thuộc đất của Công ty ĐRC; tôi nghĩ ông Ch mua lại của công ty nên sau đó chuyển nhượng cho tôi nên tôi vẫn mua lại phần diện tích đất này mặc dù không có giấy tờ gì. Tôi biết đất ông G mua của ông Ch, còn

nguồn gốc diện tích đất này ông Ch có từ đâu thì tôi không biết.

+ Ông Nguyễn Đức Q trình bày: Tôi là chồng bà Phạm Mỹ B; việc bà Phạm Mỹ B nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Phạm Hồng G đó là tiền riêng của bà B, không liên quan gì đến tôi.

Tòa án cũng tiến hành đối chất giữa các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án tuy nhiên các đương sự đều bảo lưu quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 12/02/2019; đề nghị ông Ch trả lại số tiền là 280.000.000 đồng cho ông G. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu này. Bị đơn trình bày đồng ý hủy hợp đồng sang nhượng đất này và đồng ý trả số tiền này cho ông G nhưng đề nghị ông G trả lại trị giá cây cao su trên đất cho tôi.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:***

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Đã thực hiện hoạt động tố tụng đầy đủ từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án; Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục, trình tự xét xử. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng G. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 12/02/2019 và buộc ông Ch trả lại số tiền là 280.000.000 đồng cho ông G. Đối với yêu cầu đề nghị đền bù thiệt hại nguyên đơn rút nên cần đình giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

***\* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:*** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo các thủ tục tố tụng cho các đương sự trong vụ án, tiến hành đối chất giữa các bên và lập biên bản công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải

giữa các bên đương sự nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa ngày 28/3/2023 bị đơn Nguyễn Văn Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty TNHH MTV C Ph và ông Phạm Văn M vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 18/4/2023 phía nguyên đơn, người được nguyên đơn ủy quyền có đơn xin hoãn phiên tòa nên Tòa án đã ban hành quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay ngày 09/5/2023 bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn M vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch có nơi cư trú: Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*\* Về Nội dung tranh chấp và quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Ông Phạm Hồng G đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất đề ngày 12/02/2019 với ông Nguyễn Văn Ch với số tiền là 280.000.000 đồng đối với diện tích khoảng 02 ha tọa lạc Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông; diện tích đất này được UBND tỉnh Đắk Nông cho Công ty TNHH MTV C P thuê vào ngày 16 tháng 8 năm 2017. Hiện diện tích đất theo hợp đồng chuyển nhượng này đã bị nhà nước thu hồi để thực hiện xây chốt dân quân thường trực xã Th H (Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh theo khoản 1 Điều 61 luật đất đai năm 2013). Do đó, ông Phạm Hồng G với yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G với ông Ch được lập ngày 12/02/2019 và buộc ông Ch trả lại số tiền cho ông G là 280.000.000 đồng. Do đó, Tòa án xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**\* Nhận định của HĐXX về nội dung vụ án:**

[1]. Năm 2017 giữa ông Phạm Hồng G với ông Nguyễn Văn Ch có thực hiện hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với nhau; hai bên không hề lập hợp đồng chuyển nhượng với nhau. Đến ngày 12/02/2019 thì giữa ông G và ông Ch có làm lại hợp đồng chuyển nhượng này thể hiện ông Nguyễn Văn Ch chuyển nhượng diện tích đất cho ông Phạm Hồng G với diện tích đất khoảng 02 ha đất tọa lạc tại Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông; lô đất này Tòa án cũng đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông (trong hợp đồng ghi ông Nguyễn Văn Ng); phía Nam giáp ông Nguyễn Văn Th; phía Đông giáp đường QL 14 C (Trong hợp đồng giáp đường cột mốc) và phía tây giáp ông Nguyễn Văn Th (Trong hợp đồng giáp đường 14C). Diện tích đất ông Ch chuyển nhượng cho ông G thuộc phần đất mà Công ty TNHH MTV C P được UBND tỉnh Đắk Nông cho thuê ngày 16/8/2017. Sau đó, đến năm 2022 thì UBND tỉnh đã thu hồi để thực hiện xây dựng chốt dân quân thường trực xã Th H (Đất thu hồi vì mục đích quốc phòng, an ninh) theo quyết định số 1820/QĐ/UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh

Đắk Nông.

[2]. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/02/2019 thể hiện ông Phạm Hồng G đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Ch với diện tích đất khoảng 02 ha tọa lạc tại Thôn T, xã Th H, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông; ông G đã đưa cho ông Ch số tiền là 280.000.000 đồng và ông Ch giao diện tích đất này cho ông G canh tác (Từ năm 2017 cho đến thời điểm bị thu hồi năm 2022).

Công ty TNHH C P cũng đã trình bày: Đối với một phần diện tích đất mà các bên chuyển nhượng cho nhau thì phần đất này Công ty đã được nhà nước cho thuê và công ty cũng đã cho người dân thuê lại. Liên quan đến diện tích đất người dân được công ty cho thuê lại không được phép chuyển nhượng cho người khác. Việc chuyển nhượng cho người khác là không đúng, không được phép chuyển nhượng.

Khi các bên thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau các bên đều biết diện tích đất này không có bất kỳ giấy tờ gì về đất; Diện tích đất này được UBND tỉnh Đắk Nông cho Công ty TNHH MTV C P thuê; Công ty TNHH MTV C P cho người dân thuê lại; các hộ dân không được phép chuyển nhượng cho nhau.

Căn cứ Điều 117 và Điều 122 của Bộ luật dân sự thể hiện giao dịch liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được xác lập năm 2017 và đến ngày 12/02/2019 các bên thể hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện giao dịch giữa hai bên vô hiệu từ thời điểm xác lập.

[3]. Giấy sang nhượng đất đề ngày 12/02/2019 là do các bên hoàn toàn tự nguyện xác lập và các bên đều thừa nhận giấy tờ này là có thực nên không phải chứng minh.

[4]. Đối với lời trình bày của bị đơn đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất này, đồng ý trả số tiền là 280.000.000 đồng cho nguyên đơn; bị đơn trình bày nguyên đơn phải trị giá cây trồng trên đất là toàn bộ cây cao su nhưng bị đơn không làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc giá trị cây cao su nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Đối với yêu cầu đền bù thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu này nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6]. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định và nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 217; Điều 218; Điều 246; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều Điều 117, 122,127; Điều 357 và Điều 427 của Bộ luật dân sự và khoản 2 khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng G;

\* Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy sang nhượng đất rẫy) đề ngày 12/02/2019.

\* Buộc ông Nguyễn Văn Ch phải trả lại số tiền là 280.000.000 đồng ( Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho ông Phạm Hồng G.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền;

\* Đình chỉ xét xử phần yêu cầu đền bù thiệt hại do nguyên đơn rút.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn Ch phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Hồng G số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003561 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện C J, tỉnh Đắk Nông.

**Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tổng đạt hợp lệ.

**3.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- CCTHDS huyện Đ S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**ĐÃ KÝ**

**Phạm Văn Quân**

